

Bản án số: 61/2017/HS-PT

Ngày: 23 – 11 – 2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ;

Ông Nguyễn Khánh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trường Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Ngà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/11/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 52/2017/HSPT ngày 23/10/2017 đối với các bị cáo Trần Văn T, Kim Sóc Trăng và Nguyễn Thanh T2, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2017/HS-ST ngày 15-9-2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn T; Sinh năm: 1976; nơi đăng ký HKTT: ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Hoa; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Trần Văn L và bà Thạch Thị P; vợ là Nguyễn Thị Thùy L (chết); 06 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2006; Anh em ruột có 05 người; tiền án: 03. Ngày 15/9/2005, bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Ngày 12/10/2007, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang xử phạt 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích. Ngày 02/8/2011 bị Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” và 01 năm tù về tội “Trốn khỏi nơi giam”, chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; ***Bị cáo đang chấp hành hình phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 53/2016/HSST, ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. (có mặt).***

2. Họ và tên: Kiêm Sóc T1; sinh năm: 1984; trú tại: ấp K, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm ruộng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khmer; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Kiêm T và bà Kiêm Thị O; vợ là Lý Thị Na R; 01 người con là Kiêm Thị Yến T, sinh năm 2008; anh chị em ruột có 05 người; tiền án: không; tiền sự: không. ***Bị cáo tại ngoại. (có mặt).***

3. Họ và tên: Nguyễn Thanh T2; sinh năm: 1984; trú tại: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: sửa xe; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 06/12; con ông Nguyễn Văn L và bà Hồ Thị N; vợ là Lý Thị L; 01 người con là Nguyễn Gia H, sinh năm 2011; anh em ruột có 03 người; tiền án: không; tiền sự: không. **Bị cáo tại ngoại.** (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Bà Lương Thị Ngọc H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Kiêm Sóc T1 và Nguyễn Thanh T2: Ông Lưu Trí D – Luật sư văn phòng luật sư Nhựt V, Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng.

Những người dưới đây không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Bị cáo Phú Tấn L; Người bị hại bà Huỳnh Thị P, bà Võ Thị T, bà Võ Thị Mộng H; Người làm chứng: Ông Võ Văn H, bà Huỳnh Mỹ T, ông Võ Văn Q và ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 06/02/2016, L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 69K1-160.03 chở Trần Văn C từ tỉnh Cà Mau đến nhà Tiền để chơi. Tại nhà của T thì T rủ L đi trộm cắp tài sản của người khác thì L đồng ý, L rủ C cùng đi thì C đồng ý, sau đó T rủ T2 và T1 thì cả hai đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T2 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 95F5-4072 chở T đi trước; T1 điều khiển xe mô tô 69K1-160.03 chở L và C đi theo sau, khi đi C mang theo 01 ba lô bên trong có chứa 01 bọc cá chiên đã ngâm thuốc REGENT, 01 cây kim, 01 cây vít. Khi đến địa phận xã C, huyện L thì T kêu dừng xe, sau đó T, L và C xuống xe và đi tìm tài sản để trộm, còn T2 điều khiển xe 95F5-4072, T1 điều khiển xe 69K1-160.03 đi Thành phố Sóc Trăng để uống cà phê. Đến khoảng 02 giờ ngày 07/02/2016 T, L, C đi bộ đến lộ đāl trước nhà ông Võ Văn H. Lúc này, C mở cửa cổng trên cầu bắc qua kênh, sau đó T mở cửa hàng rào nhà ông H, tiếp đến T lấy cá chiên đã tẩm thuốc REGENT ném cho chó ăn và làm chết 06 con chó. Sau đó, T, L, C cùng đi vào nhà ông H và lấy các tài sản sau: 01 cái Laptop, hiệu HP CORE i3, màu đen, màn hình 14 inch (có dây sạc); 04 cái ba lô, có 1.300.000 đồng; 01 tờ tiền của Ngân hàng quốc gia Việt Nam mệnh giá 500đ; 01 cái Laptop, hiệu HP CORE i3, màu đen, màn hình 14 inch (có dây sạc); 01 cái điện thoại LENOVO màu đen, màn hình cảm ứng; 01 cái điện thoại NOKIA (loại bàn phím), màu xám đen của bị hại Huỳnh Thị P là vợ của ông H.

Sau khi lấy trộm được tài sản thì T, L, C ra khỏi nhà, khi đi ra đến cổng rào thì T và L quay lại hàng rào nhà ông H dẫn chiếc xe Dream biển kiểm soát 83H1-XXXX của ông H ra đến cửa rào, lúc này L lấy chìa khóa xe và vứt bỏ, C thì giật đứt dây điện ở đầu xe với mục đích là nếu bị phát hiện thì không để cho bị hại dùng xe truy đuổi, sau đó cả 03 đề xe 83H1-XXXX tại khu vực cửa rào nhà ông H và bỏ đi. Sau đó, T điện thoại kêu T2 và T1 đến chở T, L, C về nhà T. Tại nhà của T thì L lấy 01 cái Laptop, hiệu HP CORE i3, màu đen, màn hình 14 inch (có dây sạc) và 01 cái điện thoại NOKIA, L đưa cho T 01 tờ tiền của Ngân hàng quốc gia Việt Nam mệnh giá 500đ; C lấy 01 cái Laptop, hiệu HP CORE i3, màu đen, màn hình 14 inch (có dây sạc)

và 01 cái điện thoại LENOVO; 01 cái ba lô màu xanh – đen; một số tờ tiền nước ngoài và số tiền 1.300.000 đồng, Cảnh đưa lại cho T 600.000 đồng thì T lấy 400.000 đồng và 01 cái ba lô màu đen nhiều vị trí trên ba lô có chữ OULANSI cho T2, T lấy 200.000 đồng và 01 cái ba lô màu đen nhiều vị trí trên ba lô có dòng chữ DENGGAO cho T1. Sau đó, T2, T1, L, C đi về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL.HĐĐGTS ngày 27/9/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận: toàn bộ tài sản bị trộm cắp có giá trị và tiền là 11.374.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2017/HS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn T, Phú Tấn L, Kiêm Sóc T1, Nguyễn Thanh T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 50 và khoản 1 Điều 51, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 53/2016/HSST, ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 8 năm 2016.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 50 và khoản 1 Điều 51, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Phú Tấn L.

Xử phạt bị cáo Phú Tấn L 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 53/2016/HSST, ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo Phú Tấn L phải chấp hành hình phạt chung là 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11 tháng 8 năm 2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 20; Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Kiêm Sóc T1.

Xử phạt bị cáo Kiêm Sóc T1 04 (Bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, o, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 04 (Bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về tang vật: tịch thu sung quỹ 01 chiếc xe mô tô biển số 95F5-XXXX.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người bị hại và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 26/9/2017 bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 29/9/2017 bị cáo Kim Sóc T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 29/9/2017 bị cáo Nguyễn Thanh T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo và xin nhận lại chiếc xe.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T trình bày: án sơ thẩm phạt bị cáo Tiền 04 năm là quá cao vì dù hành vi của bị cáo cần lên án nhưng bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả, bị cáo là người dân tộc thiểu số, văn hóa thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên đề nghị Tòa giảm 01 phần hình phạt cho bị cáo T.

Người bào chữa cho các bị cáo Kim Sóc T1 và Nguyễn Thanh T2 trình bày: thống nhất về tội danh và khung hình phạt như án sơ thẩm, bị cáo T2 có người thân có công với cách mạng, thành khẩn khai báo, lao động chính trong gia đình, tự thú, hoàn cảnh gia đình khó khăn, cũng như bị cáo T1, tại phiên tòa phúc thẩm các bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo T1, T2 theo Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Tòa giảm án một phần hình phạt và cho các bị cáo T1, T2 được hưởng án treo và trả xe cho bị cáo T2.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo: Vào Khoảng 02 giờ ngày 07/02/2016 các bị cáo Phú Tấn L, Trần Văn T, Trần Văn C, Kim Sóc T1 và Nguyễn Thanh T2 rủ nhau đi trộm. T2 điều khiển xe biển số 69K1 – 160.03 chở L, C, T điều khiển xe biển số 95F5-XXXX chở T, trước đi đi C chuẩn bị thuốc chớ, 01 kìm, 01 quít. Khi đến nhà ông Võ Văn H, tọa lạc xã C, huyện L, các bị cáo T1, T2 đi thành phố S, còn các bị cáo T, L, C vào nhà ông H trộm 02 máy tính xách tay, 04 ba lô bên trong có tiền 1.300.000đ, 02 cái điện thoại di động. Xong T điện thoại kêu T1, T2 về chở về nhà T, L lấy 01 máy tính xách tay, C lấy 01 máy tính xách tay, 01 điện thoại di động, C đưa cho T 600.000đ, rồi T đưa 400.000đ và 01 ba lô cho T và đưa 200.000đ và 01 cái ba lô cho T1. Tài sản bị trộm cắp là 11.374.000đ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo Điều 138 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Trần Văn T: Xét thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, đã tự nguyện nộp số tiền 3.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p

khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, có 02 tiền án chưa được xóa án tích thuộc tình tiết định khung hình phạt theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không đưa ra được tình tiết nào mới để Hội đồng xét xử xem xét. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên là áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trần Văn T.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm án của các bị cáo Kiêm Sóc T1, Nguyễn Thanh T2 thì thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: Bị cáo T1 có nhân thân tốt, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, bị cáo đã nộp lại số tiền 200.000 đồng để khắc phục hậu quả, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo các Điểm b, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, bị cáo Trung có tình tiết tự thú, có người thân có công với cách mạng theo Điểm o Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác là phù hợp với pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị hại có đơn yêu cầu miễn trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo T1, T2 nhưng cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự để xử mỗi bị cáo 04 tháng tù là dưới khung hình phạt, đã chiếu cố cho các bị cáo. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận yêu cầu của các bị hại, không chấp nhận giảm án cho các bị cáo.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Kiêm Sóc T1, Nguyễn Thanh T2 thì thấy tình hình tội phạm nói chung và tội trộm cắp nói riêng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng không có chiều giảm, gây mất trật tự cho xã hội, gây bất an cho nhân dân. Việc đề nghị án treo của các bị cáo là không đảm bảo tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa tội phạm cho xã hội nên kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo T1, T2 là không có cơ sở, không được chấp nhận.

Như đã phân tích nêu trên, đề nghị của những người bào chữa cho các bị cáo không được chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo xin lại xe của bị cáo Trung thì thấy, xe mô tô biển kiểm soát 95F5-XXXX là tài sản của bị cáo Nguyễn Thanh T2 và bị cáo làm phương tiện phạm tội, chờ T đi thực hiện hành vi trộm cắp, nên cấp sơ thẩm áp dụng Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ và có cơ sở. Kháng cáo của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Trần Văn T, Kiêm Sóc T1 và Nguyễn Thanh T2 mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào Điểm a Khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự

QUYẾT ĐỊNH

[1] Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn T, Kiêm Sóc T1 và Nguyễn Thanh T2.

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Kiêm Sóc T1, Nguyễn Thanh T2 phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138; các Điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điểm a Khoản 1 Điều 50 và Khoản 1 Điều 51, Điều 53 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; các Điểm b, h, o, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; các Điểm p, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 20; Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Kiêm Sóc T1.

Tuyên xử:

- Xử phạt bị cáo Trần Văn T 04 (Bốn) năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 53/2016/HSST, ngày 30/11/2016 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang. Bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung là 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 8 năm 2016.

- Xử phạt bị cáo Kiêm Sóc T1 04 (Bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 04 (Bốn) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 95F5-XXXX, loại xe Wave, nhãn hiệu FREEWAY, màu đỏ - đen, số máy 6G300289, số khung 000289 và 01 giấy đăng ký xe honda biển số 95F5-XXXX.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Trần Văn T, Kiêm Sóc T1 và Nguyễn Thanh T2 mỗi bị cáo phải chịu là 200.000 đồng.

Các quyết định khác bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND huyện L (2 bản);
- VKSND huyện L;
- Công an huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- PKTNV-THA – TAND tỉnh Sóc Trăng;
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã Ký

Thái Rết